ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 127 /2026/QĐ-UBND	*An Giang, ngày 21 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Xác định phạm vi vành đai biên giới và xác lập vùng cấm trong khu vực biên giới đất liền tỉnh An Giang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Biên giới quốc gia số 06/2003/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 66/2020/QH14;

Căn cứ Luật Biên phòng Việt Nam số 66/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 14/2026/QH16;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 34/2014/NĐ-CP của Chính phủ về Quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 299/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 43/2015/TT-BQP của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về Quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 112/2025/TT-BQP;

Căn cứ Nghị quyết số 51/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang về xác định phạm vi vành đai biên giới và xác lập vùng cấm trong khu vực biên giới đất liền tỉnh An Giang;

Theo đề nghị của Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh tại Tờ trình số 4260/TTr-BCHBP ngày 15 tháng 10 năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định xác định phạm vi vành đai biên giới và xác lập vùng cấm trong khu vực biên giới đất liền tỉnh An Giang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này xác định phạm vi vành đai biên giới và xác lập vùng cấm trong khu vực biên giới đất liền tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 2 Điều 9 của Nghị định số 34/2014/NĐ-CP về Quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 4 của Thông tư số 43/2015/TT-BQP hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 34/2014/NĐ-CP

ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về Quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài hoạt động ở phạm vi vành đai biên giới và vùng cấm trong khu vực biên giới đất liền tỉnh An Giang.

Điều 2. Xác định phạm vi vành đai biên giới và vị trí cắm biển báo vành đai biên giới

Vành đai biên giới là phần lãnh thổ từ đường biên giới quốc gia trở vào, nơi hẹp nhất cách đường biên giới là 106m (ấp Bình Di, xã Khánh Bình) và nơi rộng nhất cách đường biên giới là 955m (ấp Vĩnh Thuận, xã Ba Chúc), có 111 vị trí cắm biển báo vành đai biên giới, các vị trí cắm biển báo được xác định theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục trung ương, múi chiếu 6 độ như sau:

1. Đối với khu vực xã Vĩnh Xương

Đoạn biên giới từ mốc 240 + 1116m (tọa độ 1206314 520299, tiếp giáp với địa giới hành chính xã Thường Phước, tỉnh Đồng Tháp) đến mốc 241 + 5406m (tọa độ 1207208 514322, tiếp giáp với địa giới hành chính xã Phú Hữu) dài khoảng 6,202km; xác định phạm vi vành đai biên giới từ 247m đến 802m, tính từ đường biên giới trở vào, trừ khu vực cửa khẩu quốc tế Vĩnh Xương, có 07 vị trí biển báo vành đai biên giới.

2. Đối với khu vực xã Phú Hữu

Đoạn biên giới từ mốc 241 + 5406m (tọa độ 1207208 514322, tiếp giáp với địa giới hành chính xã Vĩnh Xương) đến mốc 241 + 9205m (tọa độ 1207496 510881, tiếp giáp với địa giới hành chính xã Nhơn Hội) dài khoảng 3,799km; xác định phạm vi vành đai biên giới từ 318m đến 830m tính từ đường biên giới trở vào, có 03 vị trí biển báo vành đai biên giới.

3. Đối với khu vực xã Nhơn Hội

Đoạn biên giới từ mốc 241 + 9205m (tọa độ 1207496 510881, tiếp giáp với địa giới hành chính xã Phú Hữu) đến mốc 241 + 9870m (tọa độ 1208063 511233, tiếp giáp với địa giới hành chính xã Khánh Bình) dài khoảng 0,665km. Đoạn biên giới từ mốc 246/3 + 5416m (tọa độ 1207015 505572, tiếp giáp với địa giới hành chính xã Khánh Bình) đến mốc 254/2 + 130m (tọa độ 1198876 504794, tiếp giáp với địa giới hành chính xã An Phú) dài khoảng 6,427km; xác định phạm vi vành đai biên giới từ 233m đến 756m tính từ đường biên giới trở vào, trừ khu vực cửa khẩu Bắc Đai, có 07 vị trí biển báo vành đai biên giới.

4. Đối với khu vực xã Khánh Bình

Đoạn biên giới từ mốc 241 + 9870m (tọa độ 1208063 511233, tiếp giáp với địa giới hành chính xã Nhơn Hội) đến mốc 246/3 + 5416m (tọa độ 1207015 505572, tiếp giáp với địa giới hành chính xã Nhơn Hội) dài khoảng 15,631km; xác định phạm vi vành đai biên giới từ 106m đến 868m tính từ đường biên giới trở vào, trừ khu vực cửa khẩu quốc tế Khánh Bình, có 09 vị trí biển báo vành đai biên giới.

5. Đối với khu vực xã An Phú

Đoạn biên giới từ mốc 254/2 + 130m (tọa độ 1198876 504794, tiếp giáp với địa giới hành chính xã Nhơn Hội) đến mốc 263/1 + 141m (tọa độ 1189646 509535, tiếp giáp với địa giới hành chính phường Châu Đốc) dài khoảng 16,142km; xác định phạm vi vành đai biên giới từ 150m đến 893m tính từ đường biên giới trở vào, trừ khu vực cửa khẩu Vĩnh Hội Đông, có 06 vị trí biển báo vành đai biên giới.

6. Đối với khu vực phường Châu Đốc

Đoạn biên giới từ mốc 263/1 + 141m (tọa độ 1189646 509535, tiếp giáp với địa giới hành chính xã An Phú) đến mốc 267/1 + 50m (tọa độ 1183908 508574, tiếp giáp với địa giới hành chính phường Vĩnh Tế) dài khoảng 7,027km; xác định phạm vi vành đai biên giới từ 471m đến 930m tính từ đường biên giới trở vào, có 06 vị trí biển báo vành đai biên giới.

7. Đối với khu vực phường Vĩnh Tế

Đoạn biên giới từ mốc 267/1 + 50m (tọa độ 1183908 508574, tiếp giáp với địa giới hành chính phường Châu Đốc) đến mốc 269/4 + 153m (tọa độ 1180813 502300, tiếp giáp với địa giới hành chính phường Thới Sơn) dài khoảng 7,037km; xác định phạm vi vành đai biên giới từ 751m đến 950m tính từ đường biên giới trở vào, có 06 vị trí biển báo vành đai biên giới.

8. Đối với khu vực phường Thới Sơn

Đoạn biên giới từ mốc 269/4 + 153m (tọa độ 1180813 502300, tiếp giáp với địa giới hành chính phường Vĩnh Tế) đến mốc 271/1 + 733m (tọa độ 1177412 497413, tiếp giáp với địa giới hành chính phường Tịnh Biên) dài khoảng 5,944km; xác định phạm vi vành đai biên giới từ 281m đến 776m tính từ đường biên giới trở vào, có 03 vị trí biển báo vành đai biên giới.

9. Đối với khu vực phường Tịnh Biên

Đoạn biên giới từ mốc 271/1 + 733m (tọa độ 1177412 497413, tiếp giáp với địa giới hành chính phường Thới Sơn) đến mốc 277 + 1318m (tọa độ 1166270 488776, tiếp giáp với địa giới hành chính xã Ba Chúc) dài khoảng 14,631 km; xác định phạm vi vành đai biên giới từ 607m đến 937m tính từ đường biên giới trở vào, trừ khu vực cửa khẩu quốc tế Tịnh Biên, có 15 vị trí biển báo vành đai biên giới.

10. Đối với khu vực xã Ba Chúc

Đoạn biên giới từ mốc 277 + 1318m (tọa độ 1166270 488776, tiếp giáp với địa giới hành chính phường Tịnh Biên) đến mốc 281/2 + 107m (tọa độ 1163070 483557, tiếp giáp với địa giới hành chính xã Vĩnh Gia) dài khoảng 6,460km; xác định phạm vi vành đai biên giới từ 522m đến 955m tính từ đường biên giới trở vào, có 05 vị trí biển báo vành đai biên giới.

11. Đối với khu vực xã Vĩnh Gia

Đoạn biên giới từ mốc 281/2 + 107m (tọa độ 1163070 483557, tiếp giáp với địa giới hành chính xã Ba Chúc) đến mốc 286/2 + 232m (tọa độ 1162857 475755,

tiếp giáp với địa giới hành chính xã Vĩnh Điều) dài khoảng 8,246km; xác định phạm vi vành đai biên giới từ 467m đến 896m tính từ đường biên giới trở vào, có 05 vị trí biển báo vành đai biên giới.

12. Đối với khu vực xã Vĩnh Điều

Đoạn biên giới từ mốc 286/2 + 232m (tọa độ 1162857 475755), tiếp giáp với địa giới hành chính xã Vĩnh Gia) đến mốc 293/3 + 34m (tọa độ 1165180 462709, tiếp giáp với địa giới hành chính xã Giang Thành) dài khoảng 13,384km; xác định phạm vi vành đai biên giới từ 553m đến 866m tính từ đường biên giới trở vào, có 11 vị trí biển báo vành đai biên giới.

13. Đối với khu vực xã Giang Thành

Đoạn biên giới từ mốc 293/3 + 34m (tọa độ 1165180 462709), tiếp giáp với địa giới hành chính xã Vĩnh Điều) đến mốc 305/7 + 334m (tọa độ 1154879 448535 tiếp giáp với địa giới hành chính phường Hà Tiên) dài khoảng 22,262km; xác định phạm vi vành đai biên giới từ 218m đến 869m tính từ đường biên giới trở vào, trừ khu vực cửa khẩu Giang Thành, có 16 vị trí biển báo vành đai biên giới.

14. Đối với khu vực phường Hà Tiên

Đoạn biên giới từ mốc 305/7 + 334m (tọa độ 1154879 448535, tiếp giáp với địa giới hành chính xã Giang Thành) đến mốc 314 (tọa độ 1152295 438784, là cột mốc có số thứ tự cuối cùng trên tuyến biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia) dài khoảng 14,031km; xác định phạm vi vành đai biên giới từ 110m đến 934m tính từ đường biên giới trở vào, trừ khu vực cửa khẩu quốc tế Hà Tiên, khu du lịch núi Đá Dựng, có 12 vị trí biển báo vành đai biên giới.

(Chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo)

Điều 3. Xác lập vùng cấm và vị trí cắm biển báo vùng cấm

Vùng cấm là phần lãnh thổ nằm trong khu vực biên giới đất liền được thiết lập để quản lý, bảo vệ, duy trì an ninh, trật tự, ngăn chặn các hành vi phá hoại, thu thập bí mật, được xác lập như sau:

1. Khóm Trung Bắc Hưng thuộc phường Thới Sơn: tọa độ trung tâm (1179226 529790) VN-2000, diện tích 32.175m^2, có 02 vị trí biển báo vùng cấm.

2. Khóm Đông Hưng thuộc phường Thới Sơn: tọa độ trung tâm (1178496 528582) VN-2000, diện tích 36.300m^2, có 02 vị trí biển báo vùng cấm.

3. Khóm Xuân Hòa thuộc phường Tịnh Biên: tọa độ trung tâm (1171603 494849) VN-2000, diện tích 30.119m^2, có 02 vị trí biển báo vùng cấm.

4. Khóm Phú Cường thuộc phường Tịnh Biên: tọa độ trung tâm (1170065 493987) VN-2000, diện tích 35.200m^2, có 02 vị trí biển báo vùng cấm.

(Chi tiết tại Phụ lục II ban hành kèm theo)

Điều 4. Quản lý hoạt động trong vành đai biên giới

Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, các

sở, ban, ngành tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan quản lý hoạt động đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và người nước ngoài trong vành đai biên giới theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Tổ chức cắm biển báo vành đai biên giới, vùng cấm

Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh rà soát các loại biển báo vành đai biên giới, vùng cấm theo quy định của Nghị định số 34/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 299/2025/NĐ-CP và Thông tư số 43/2015/TT-BQP được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 112/2025/TT-BQP; tổ chức triển khai cắm các loại biển báo vành đai biên giới, vùng cấm.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 02 tháng 11 năm 2026.

2. Quyết định này thay thế các Quyết định sau:

a) Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang (trước sắp xếp) xác định chiều sâu vành đai biên giới và xác lập vùng cấm trong khu vực biên giới tỉnh An Giang.

b) Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang (trước sắp xếp) xác định phạm vi vành đai biên giới trong khu vực biên giới đất liền tỉnh Kiên Giang.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường biên giới đất liền và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 6;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- LĐVP, P.TH, P. NC;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, bntam.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Lê Văn Phước